TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31/10/2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Trân

Ông Lê Đình Nguyên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 250/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21/10/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng A - sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 338/3/4 T, khu phố 4, phường P, TP. P, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Hoàng L - Sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 33/2 B, Khu phố 2, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Hồng A trình bày:

Bà Trần Thị Hồng A và ông Lê Hoàng L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 18 ngày 20/3/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống chung với cha mẹ vợ đến năm 2001 thì ra sống tự lập. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thậm chí có đánh nhau do bất đồng quan điểm sống, không cùng quan điểm về cách dạy con và cách sinh hoạt, vợ chồng suy nghĩ độc lập về mọi

việc. Vì vậy, quan hệ vợ chồng trở nên căng thẳng, tình cảm vợ chồng bắt đầu đi xuống. Mặc dù, vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại với nhau trao đổi, tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không hòa hợp được. Từ tháng 10/2016 đến nay bà cùng với con trai là Lê Hoàng L1, sinh ngày 18/7/2004 đã chuyển về sống với cha mẹ ruột của bà tại khu phố 4, phường P, TP. P.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung tên Lê Trần Hoàng L2, sinh ngày 03/7/1999 hiện đang ở với ông L và Lê Hoàng L1, sinh ngày 18/7/2004 hiện đang ở với bà. Ly hôn bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi Lê Hoàng L1 và không yêu cầu ông L cấp dưỡng. Cháu Lê Trần Hoàng L2, sinh ngày 03/7/1999 đã trưởng thành, tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Lê Hoàng L quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trần Thị Hồng A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn ông Lê Hoàng L. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ở phường Đ, TP. P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - Tháp Chàm theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xử lý về việc vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - Tháp Chàm đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông L đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ, ông L đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bà Trần Thị Hồng A và ông Lê Hoàng L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường Đô Vinh, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 18 ngày 20/3/1999, đây là hôn nhân hợp pháp, tại phiên tòa sơ thẩm bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy: Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình". Tuy nhiên, từ năm 2016 vợ chồng ông L, bà A phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thậm chí đánh nhau vì bất đồng quan điểm sống, không cùng quan điểm về cách dạy con, cách sinh hoạt và suy nghĩ độc lập về mọi việc, vì vậy quan hệ vợ chồng trở nên căng thẳng, tình cảm vợ chồng bắt đầu đi xuống. Mặc dù, vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại với nhau trao đổi, tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng vợ chồng không hòa thuận được với nhau. Từ tháng 10/2016 đến nay bà đã chuyển về sống với cha mẹ ruột tại khu phố 4, phường P, TP. P. Mâu thuẫn của vợ chồng ông bà được cháu Lê Trần Hoàng L2 là con chung, đã thành niên của ông L và bà A xác nhận và phù hợp với biên bản xác minh ngày 08/8/2019 của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang – Tháp Chàm về tình trạng hôn nhân của bà A và ông L do Ủy ban nhân dân phường Đ cung cấp. Ông L biết việc bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng không tham gia tố tụng thể hiện ông L không có thiện chí và không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy hôn nhân giữa bà A và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung tên Lê Trần Hoàng L2, sinh ngày 03/7/1999 hiện đang ở với ông L và Lê Hoàng L1, sinh ngày 18/7/2004 hiện đang ở với bà. Ly hôn bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi Lê Hoàng L1 và không yêu cầu ông L cấp dưỡng. Cháu Lê Trần Hoàng L2, sinh ngày 03/7/1999 đã trưởng thành, tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét về yêu cầu trực tiếp nuôi con của bà A, Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Lê Hoàng L1 từ trước đến nay ở với bà A và cháu có nguyện vọng được ở với mẹ, vì mẹ chăm sóc cháu tốt hơn. Bà A đang làm kế toán tại Bệnh viện Giao thông Vận tải Tháp Chàm, thu nhập 3.696.243 đồng/tháng đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét giao cháu Lê Hoàng L1 cho bà Trần Thị Hồng A trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lê Hoàng L không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con do bà A không có yêu cầu. Cháu Lê Trần Hoàng L2, sinh ngày 03/7/1999 đã trưởng thành, tự lao động được nên bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố Phan Rang-Tháp Chàm tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Bà A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Thị Hồng A được ly hôn với ông Lê Hoàng L.

2. Về con chung: Bà Trần Thị Hồng A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Hoàng L1, sinh ngày 18/7/2004. Ông Lê Hoàng L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà Trần Thị Hồng A không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm non con của người đó.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Hồng A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Trần Thị Hồng A đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0018441 ngày 22/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Trần Thị Hồng A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Hùng